

Số: 701/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 772/2026/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ý N, sinh năm 2001; Căn cước công dân số: 089301006444, Bộ C1 cấp ngày 10/6/2025

Địa chỉ: Ấp K, xã Q, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng C, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 096092010830, Cục C2 về trật tự xã hội cấp ngày 21/9/2022.

Nơi thường trú: Ấp K, xã Q, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: KCN T, phường T, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Ý N và ông Trần Hoàng C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ý N và ông Trần Hoàng C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Minh L, sinh ngày 03/6/2019. Ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung Trần Minh L cho bà Lê Thị Ý N trực tiếp

nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận ông [Trần Hoàng C](#) cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông [C](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bà [N](#) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông [C](#) không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà [Lê Thị Ý N](#) tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà [N](#) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007477 ngày 02/4/2026 của Thi hành [án dân sự tỉnh Đ](#) (nay là Thi hành án dân sự [thành phố Đ](#)), bà [N](#) đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND xã Q, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại